TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KĐ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **35**/2023/QĐST- HNGĐ	*KĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký HKTT: thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn ĐX, xã ĐD, huyện ÂT, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 04/5/2010 (cháu B đang ở cùng với mẹ, tại: thôn ĐX, xã ĐD, huyện ÂT, tỉnh Hưng Yên).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thanh B: Ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị O.

- Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị O.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị O đều nhất trí tự nguyện ly hôn.

2/ Về con chung: Ông T và bà O xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 04/5/2010. Ông T và bà O thống nhất, thỏa thuận giao cho bà O được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu B đến tuổi thành niên (đủ18 tuổi). Ông T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bà O với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu B đến tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2023. Ông T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về tài sản chung: Ông T và bà O đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Ông T và bà O thống nhất để ông T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí ông T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông T đã nộp đủ án phí theo biên lai thu số 0002779 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND huyên;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã CN (GCNKH số 01/2009 ngày 13/5/2009;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thành Long